



Tạp chí

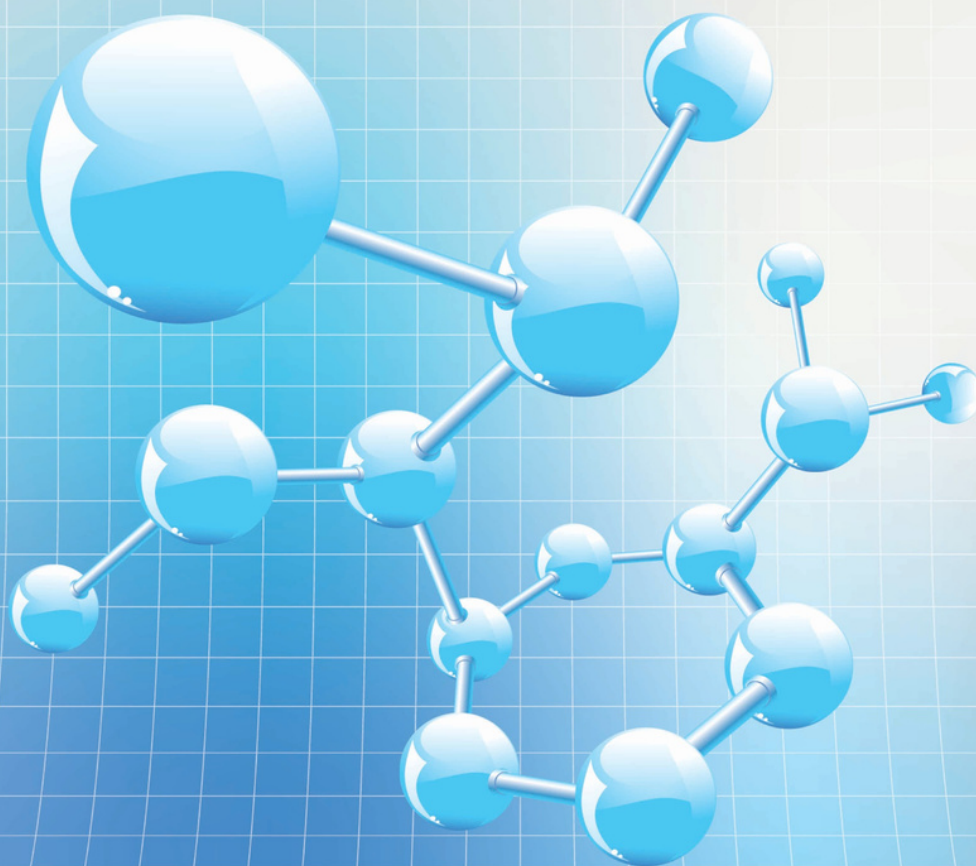
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SÁO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Số 2 (90)

2025

MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	Nguyễn Kế Nghĩa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	7-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	Nguyễn Xuân Trang Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	Nguyễn Tuấn Anh Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	Nguyễn Thị Hiền Oanh Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	Phan Thị Quỳnh Trang Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	Lại Thị Hiếu Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	Nguyễn Hữu Sơn Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	Trần Đăng Sinh¹, Phùng Thị Lý² ¹ Hội triết học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	Nguyễn Duy Thái^{1*}, Nguyễn Thị Hải Hà², Nguyễn Đức Chiện³ ¹ Tạp chí Xã hội học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ ³ Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	Lê Quý Dương^{1*}, Nguyễn Đức Chiện², Ngô Trung Thành³, Đinh Thị Thu Hằng³, Trần Thị Thu Thủy⁴ ¹ Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) ² Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ³ Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam ⁴ Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	Lưu Ngọc Trinh^{1*}, Lê Đăng Minh² ¹ Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải ² Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	Phạm Thị Hồng Hoa¹, Lưu Ngọc Trinh^{2*} ¹ Trường Đại học Sao Đỏ ² Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	Nguyễn Thị Ngọc Mai Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Hoàng Mai¹, Nguyễn Thị Ngọc Mai² ¹ Viện nghiên cứu phát triển du lịch ² Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại² ¹ Trường Đại học Đà Lạt ² Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	Lê Thị Thúy Hà Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	Nguyễn Thị Huế Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	Ngô Thị Luyện Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	Hoàng Thị Hoa Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Thị Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	Vũ Thị Hương Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	Vũ Thị Lý Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	Vũ Thị Thanh Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	Nguyễn Minh Tuấn*, Phạm Thị Hồng Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	Nguyễn Thị Huyền Trang*, Trần Trọng Đức, Lê Khánh Duyên, Nguyễn Tuấn Minh, Nguyễn Hữu Hoàng Phúc, Đinh Thị Hồng Thắm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	Đinh Thị Kim Thiết Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	Đậu Ngọc Linh Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	Hồ Thị Hà Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	Nguyễn Thị Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thị Huyền Trang² ¹ Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II ² Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	Tạ Thị Năm Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	Nguyễn Thị Thuỳ Trinh Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	Nguyễn Thị Hiền Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	Đinh Mạnh Tuấn^{1*}, Lê Thanh Thảo² ¹ Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ ² Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	Nguyễn Thị Hồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TPHCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	Phí Văn Trọng*, Trần Thị Nam Thanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	Nguyễn Thị Huệ Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	Tiêu Thị Thu Ngân*, Nguyễn Phương Linh, Vũ Tuấn Nghĩa Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	Lương Thị Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	Nguyễn Thị Lý Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	Trần Cường, Trần Thị Quý Chinh* Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	Trần Thị Quý Chinh* , Trần Cường , Nguyễn Thị Mai Anh , Phạm Thị Hương Giang Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	Phùng Đặng Diệp Chi , Nguyễn Khánh Ly , Nguyễn Thu Ngân , Phạm Thành Long* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	Nguyễn Văn Lộc , Nguyễn Văn Phương , Phạm Ngọc Hương Quỳnh* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	Nguyễn Minh Phương¹ , Đào Thị Hà Anh^{2*} , Nguyễn Văn Lộc² ¹ Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội ² Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	Phạm Thanh Tùng Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital
economy development in Vietnam amidst the nation's rise

Đậu Ngọc Linh

Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Email: d.nlinh@hcmca.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/02/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 12/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi sâu sắc mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, kinh tế số nổi lên như một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao vị thế quốc gia. Với khát vọng vươn mình mạnh mẽ, Việt Nam không thể đứng ngoài dòng chảy này mà cần xây dựng một thể chế kinh tế số hoàn chỉnh, tạo môi trường pháp lý minh bạch, linh hoạt và phù hợp với tốc độ phát triển của công nghệ. Bài viết này phân tích thực trạng thể chế kinh tế số tại Việt Nam, làm rõ những khó khăn, thách thức và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng thể chế kinh tế số của Việt Nam nhằm tận dụng tốt nhất cơ hội của kỷ nguyên số, hiện thực hóa khát vọng trở thành một quốc gia có năng lực cạnh tranh cao trong nền kinh tế toàn cầu.

Từ khoá: *Thể chế kinh tế số; chuyển đổi số; kỷ nguyên vươn mình.*

Abstract:

In the context of the Fourth Industrial Revolution profoundly transforming all aspects of economic and social life, the digital economy has emerged as a key driver of growth and an essential factor in enhancing national competitiveness. With a strong aspiration for advancement amidst the nation's rise, Vietnam cannot remain outside this global trend but must perfect its institutional framework for the digital economy, creating a transparent, flexible, and technology-adaptive legal environment. This paper analyzes the current state of Vietnam's digital economic institutions, identifies key challenges and obstacles, and proposes solutions to enhance institutional effectiveness. Strengthening the digital economic framework is essential for Vietnam to fully capitalize on the opportunities of the digital era and realize its ambition of becoming a highly competitive nation in the global economy.

Keywords: *Digital economic institutions; digital transformation; nation's rise.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số đang trở thành động lực chủ đạo thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các quốc gia trên thế giới đã và đang có những bước đi chiến lược nhằm phát triển nền kinh tế số, tạo ra các mô hình kinh doanh mới, tối ưu hóa chuỗi giá trị và định hình lại phương thức vận hành của nền kinh tế. Việt Nam, với lợi thế về dân số trẻ, tốc độ ứng dụng công nghệ ngày càng tăng và chiến lược chuyển đổi số mạnh mẽ, đang đứng trước cơ hội mang tính bước ngoặt để bứt phá và vươn lên thành một nền kinh tế số tiên tiến trong khu vực và trên toàn cầu.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, thể chế kinh tế số tại Việt Nam vẫn chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và những yêu cầu đặt ra của nền kinh tế số hiện đại. Cụ thể, khung pháp lý còn nhiều khoảng trống, chưa có sự thống nhất và thiếu tính dự báo đối với các xu hướng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn và nền tảng số. Môi trường kinh doanh số vẫn tồn tại những rào cản về thủ tục hành chính, quyền sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin và chính sách thuế chưa đồng bộ. Hơn nữa, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý còn phân tán, chưa tạo ra cơ chế điều phối hiệu quả để thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế số. Sự phát triển kinh tế số không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là một yêu cầu cấp thiết đối với Việt

Nam trong hành trình hiện thực hóa khát vọng phát triển, hướng tới một nền kinh tế tự chủ, sáng tạo và có năng lực cạnh tranh cao trên trường quốc tế. Do đó, việc hoàn thiện thể chế kinh tế số đóng vai trò then chốt, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy chuyển đổi số trong khu vực công và đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở đó, bài viết này sẽ tập trung phân tích các thành phần cốt lõi của thể chế kinh tế số, đánh giá thực trạng phát triển thể chế tại Việt Nam, so sánh với kinh nghiệm quốc tế và đề xuất những giải pháp chiến lược nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế số, từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong kỷ nguyên số.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Lý luận về thể chế kinh tế số

Thể chế kinh tế số có thể được hiểu là tổng hợp các quy tắc, luật lệ, chính sách và cơ chế quản lý nhằm tạo điều kiện và định hướng sự phát triển của nền kinh tế số. Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2021), thể chế kinh tế số không chỉ bao gồm khung pháp lý mà còn phải đảm bảo cơ chế thực thi hiệu quả nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và thúc đẩy cạnh tranh công bằng. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF, 2022) cũng nhấn mạnh rằng thể chế kinh tế số phải linh hoạt và thích ứng nhanh với những thay đổi công nghệ, đồng thời duy trì sự ổn định và bảo vệ lợi

ích của các bên liên quan. Theo Tapscott & Tapscott (2016), sự phát triển của nền kinh tế số đòi hỏi một khung thể chế có khả năng điều chỉnh linh hoạt các mô hình kinh doanh mới và công nghệ số.

Có thể thấy, có định nghĩa khác nhau về thể chế kinh tế số, tuy nhiên, điểm chung giữa các định nghĩa là hệ thống pháp lý về kinh tế số không thể tách rời yếu tố công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bản chất của nền kinh tế số nằm ở khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và tạo ra giá trị từ công nghệ. Do đó, thể chế kinh tế số cần tạo ra một môi trường pháp lý và chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp và cá nhân có thể khai thác tối đa lợi ích từ công nghệ số trong hoạt động kinh doanh và phát triển kinh tế.

Do đó, để thúc đẩy kinh tế số phát triển bền vững, thể chế kinh tế số cần đáp ứng một số yêu cầu quan trọng như:

Thứ nhất là khung pháp lý linh hoạt và toàn diện. Pháp luật cần được điều chỉnh để phù hợp với những mô hình kinh doanh số mới như thương mại điện tử, công nghệ tài chính và nền tảng số. OECD (2023) nhấn mạnh rằng một hệ thống pháp lý phù hợp không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển mà còn đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong nền kinh tế số.

Thứ hai là bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và dữ liệu số. Trong bối cảnh dữ liệu trở thành tài sản quan trọng, các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản trị dữ liệu cá nhân cần được xây dựng chặt chẽ. Theo McKinsey (2021), một môi trường

pháp lý rõ ràng về quyền dữ liệu sẽ giúp thúc đẩy niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng, qua đó gia tăng hiệu quả hoạt động của nền kinh tế số. Đồng thời, Brynjolfsson & McAfee (2014) cũng cho rằng việc bảo vệ dữ liệu không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ quy định mà còn phải có cơ chế giám sát hiệu quả.

Thứ ba là phát triển hạ tầng số và công nghệ hỗ trợ. Hạ tầng số như mạng 5G, điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế số. Chính phủ cần có chính sách khuyến khích đầu tư vào hạ tầng công nghệ, nhằm tạo nền tảng vững chắc cho các doanh nghiệp đổi mới và phát triển.

Thứ tư là chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Một hệ sinh thái khởi nghiệp số mạnh mẽ sẽ thúc đẩy nền kinh tế số phát triển bền vững. Theo báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2022), những quốc gia có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp mạnh mẽ, bao gồm ưu đãi thuế và quỹ đầu tư mạo hiểm, thường đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế số cao hơn.

Thứ năm là đảm bảo tính minh bạch và quản trị số. Một hệ thống thể chế hiệu quả phải đảm bảo tính minh bạch trong các giao dịch trực tuyến và giảm thiểu các rủi ro như gian lận, lừa đảo. Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (2023), việc áp dụng công nghệ blockchain vào quản lý tài chính công có thể giúp giảm thiểu tham nhũng và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Nhìn chung, thể chế kinh tế số không chỉ đóng vai trò định hướng mà còn quyết định tốc độ và mức độ phát triển của nền kinh tế số. Quan điểm cá nhân của tác giả cho rằng, trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số, việc xây dựng một thể chế kinh tế số linh hoạt, minh bạch và hỗ trợ đổi mới sáng tạo là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong thời đại số.

2.2. Thực trạng thể chế kinh tế số của Việt Nam

2.1. Đóng góp của kinh tế số trong nền kinh tế Việt Nam

Trong những năm gần đây, kinh tế số ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), tỷ trọng kinh tế số trong GDP của Việt Nam đã tăng từ 11,91% năm 2020 lên 16,5% vào năm 2023. Đặc biệt, thương mại điện tử đạt mức tăng trưởng trung bình trên 20%/năm, đóng góp đáng kể vào tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (Bộ Công Thương, 2023). Ngoài ra, các lĩnh vực như tài chính số, công nghệ tài chính (fintech), giáo dục trực tuyến và y tế số cũng có những bước phát triển mạnh mẽ, tạo ra giá trị gia tăng đáng kể cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, theo Báo cáo Kinh tế số khu vực Đông Nam Á của Google, Temasek và Bain & Company (2022), nền kinh tế số Việt Nam đạt giá trị 23 tỷ USD vào năm 2022 và dự kiến sẽ đạt 49 tỷ USD vào năm 2025, với tốc độ tăng

trường trung bình 19%/năm. Điều này cho thấy kinh tế số đang trở thành một trụ cột quan trọng trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất lao động.

Tuy nhiên, dù có sự tăng trưởng đáng kể, tỷ trọng kinh tế số của Việt Nam vẫn thấp hơn so với các nước phát triển trong khu vực như Singapore (hơn 30% GDP) hay Malaysia (khoảng 25% GDP). Điều này cho thấy Việt Nam vẫn cần tiếp tục cải thiện môi trường pháp lý, đầu tư vào hạ tầng công nghệ và nâng cao năng lực số để đạt được tiềm năng phát triển cao hơn trong tương lai.

2.2. Thể chế kinh tế số ở Việt Nam

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, hệ thống văn bản pháp lý của Việt Nam đã được xây dựng nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển của nền kinh tế số, góp phần định hướng chiến lược và tạo động lực cho cả khu vực công lẫn tư nhân. Quyết định số 749/QĐ-TTg (2020) đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, với tầm nhìn đến năm 2030. Văn bản này không chỉ đặt ra mục tiêu cụ thể cho việc ứng dụng công nghệ số trong các ngành kinh tế mà còn thúc đẩy sự hợp tác giữa các tổ chức nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, từ đó góp phần cải thiện năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, để thực hiện những mục tiêu này, cần có sự đầu tư bài bản vào hạ tầng số và đào tạo nguồn nhân lực, cũng như thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ ngành.

Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) cũng được xem là một bước tiến quan trọng khi mở ra định hướng chủ động tham gia Cách mạng Công nghiệp 4.0. Văn bản này khuyến khích các doanh nghiệp truyền thống áp dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả sản xuất và đổi mới mô hình kinh doanh. Việc thay đổi nhận thức và cải cách quản lý được nhấn mạnh, tạo điều kiện cho sự liên kết giữa các ngành và các cơ quan quản lý. Tuy nhiên, thực hiện nghị quyết đòi hỏi phải có sự thay đổi toàn diện trong chiến lược lãnh đạo và quản lý, đồng thời cần có các chính sách hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số.

Luật An ninh mạng (2018) là một văn bản pháp lý chủ chốt nhằm bảo vệ dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin trên không gian mạng. Luật này góp phần xây dựng lòng tin của người tiêu dùng và doanh nghiệp đối với các giao dịch trực tuyến bằng cách đặt ra các tiêu chuẩn quản lý và bảo mật thông tin. Tuy nhiên, việc thực thi Luật An ninh mạng cũng gặp phải những thách thức, nhất là trong bối cảnh dữ liệu ngày càng trở nên quốc tế hóa, đòi hỏi phải có các cơ chế quản lý xuyên biên giới hiệu quả hơn để cân bằng giữa quyền tự do cá nhân và bảo mật thông tin.

Bên cạnh đó, Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử đã tạo ra khung pháp lý cho các hoạt động kinh doanh trực tuyến, mở rộng thị trường tiêu dùng và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp. Mặc dù văn bản này đã đặt nền móng cho sự phát triển của

thương mại điện tử tại Việt Nam, nhưng nó vẫn cần được cập nhật để đáp ứng với các mô hình kinh doanh mới như fintech, blockchain và các dịch vụ số tiên tiến. Các quy định hiện hành đôi khi có tính chồng chéo và không đồng bộ, gây ra những khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ pháp luật.

Nhìn chung, các văn bản pháp lý của Việt Nam về kinh tế số đã góp phần định hướng và tạo động lực cho sự phát triển của nền kinh tế số. Song song với những ưu điểm như tạo ra khung chính sách hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác liên ngành và cải thiện năng suất lao động, các văn bản này cũng đặt ra yêu cầu về việc đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ, cải cách quản lý và hoàn thiện cơ chế pháp lý để kịp với tốc độ phát triển của công nghệ số. Sự đồng bộ và linh hoạt trong khung pháp lý sẽ là yếu tố then chốt giúp Việt Nam bắt kịp xu thế toàn cầu, nâng cao vị thế cạnh tranh trên trường quốc tế và tận dụng tối đa lợi ích từ nền kinh tế số.

Trong bối cảnh chuyển đổi mạnh mẽ, hệ thống văn bản pháp lý về kinh tế số của Việt Nam đã đạt được một số thành tích đáng kể. Cụ thể, Quyết định số 749/QĐ-TTg (2020) đã xây dựng chế độ chuyển đổi khung số quốc gia tầm nhìn đến năm 2030, định hướng xóa ứng dụng công nghệ trong các ngành kinh tế; Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) mở ra con đường chủ động tham gia Cách mạng Công nghiệp 4.0, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cải cách quản lý; Luật An ninh mạng (2018) giúp tăng cường bảo vệ dữ

liệu và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng không gian; Nghị định 52/2013/ND-CP về thương mại điện tử đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nền tảng kinh doanh trực tuyến và doanh nghiệp khởi nghiệp; ngoài ra, các văn bản này còn tạo nên sự liên kết, hợp tác liên ngành giữa lĩnh vực công và tư.

Bên cạnh những mặt đạt được, hệ thống pháp lý về kinh tế số hiện nay vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Trước hết, sự chồng chéo và bất ổn giữa các văn bản pháp lý hiện hành, như Luật An ninh mạng, Nghị định 52/2013/ND-CP và các văn bản liên quan, tạo ra những khoảng trống và lỗ hổng trong ứng dụng và thực thi chính sách, gây khó khăn cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Thứ hai, khung pháp lý còn thiếu trong nhiều lĩnh vực và không được cập nhật thường xuyên để đáp ứng sự phát triển nhanh chóng của các mô hình kinh doanh mới như fintech, blockchain và các dịch vụ số mới, làm hạn chế khả năng linh hoạt, sáng tạo và tạo ra các rào cản không cần thiết đối với quá trình chuyển đổi số. Thứ ba, hệ thống giám sát và cơ chế thực thi pháp luật hiện nay còn yếu, dẫn đến việc xử lý các hành vi vi phạm, đặc biệt là trong bối cảnh tệ nạn trực tuyến và các vấn đề bảo mật dữ liệu ngày càng tăng, từ đó làm giảm niềm tin của người tiêu dùng và đối tác kinh doanh. Thứ tư, sự phối hợp giữa các cơ sở quản lý nhà nước chưa được chặt chẽ, dẫn đến quá trình rà soát, cập nhật và thực thi các quy định pháp luật diễn ra chậm và thiếu đồng bộ, gây ảnh

hưởng tiêu cực đến hiệu quả quản lý. Cuối cùng, việc Việt Nam chưa tiếp cận và áp dụng một cách triệt để các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh thông tin, so với các nước có khung pháp lý tiên tiến như Singapore, Malaysia và các quốc gia khác, đã làm giảm khả năng cạnh tranh của nền kinh tế số trên trường quốc tế.

2.3. Một số giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế số ở Việt nam thời gian tới

Thứ nhất, cần xây dựng một khung pháp lý đồng bộ, linh hoạt và tiên tiến, thông qua việc rà soát, tập hợp và hợp nhất các quy định hiện hành thành một bộ luật duy nhất về kinh tế số. Bộ luật này không chỉ định các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, hệ sinh thái kinh tế số và quyền sở hữu trí tuệ, mà phải được cụ thể bằng các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật đề thi hành, cập nhật thường xuyên theo tiến trình phát triển công nghệ, giải quyết tốt vấn đề chồng chéo giữa các văn bản pháp lý hiện tại.

Thứ hai, cần tổ chức, củng cố hoạt động của các cơ quan quản lý chuyên trách về kinh tế số, đảm bảo sự phối hợp liên ngành và đồng bộ giữa các cơ quan chuyên ngành và địa phương. Các tổ chức này cần được trang bị đầy đủ nguồn lực chuyên môn, có quyền hạn, pháp lý rõ ràng, phù hợp với các chính sách liên quan đến kinh tế số.

Thứ ba, ứng dụng cơ chế “sandbox” cho đổi mới sáng tạo sẽ tạo ra một môi trường kiểm soát đặc thù, nơi các doanh nghiệp có thể thử nghiệm các mô hình

kinh doanh mới mà không gặp phải rủi ro pháp lý nghiêm trọng, qua đó thúc đẩy sự phát triển sáng tạo và giúp các nhà phát triển nhanh chóng nhận diện và giải quyết các điểm yếu của khung pháp lý hiện hành.

Thứ tư, tăng cường đầu tư vào hạ tầng số hiện đại như mạng 5G, trung tâm dữ liệu và hệ thống điện toán đám mây là yếu tố sống còn, giúp đảm bảo tính liên tục trong công việc thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu, từ đó tạo nền tảng cho các ứng dụng kinh tế số tiên tiến.

Thứ năm, có chính sách chiến lược đầu tư phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kinh tế số thông qua các chương trình đào tạo chất lượng cao, hợp tác nghiên cứu giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp sẽ đảm bảo cung cấp đội ngũ chuyên gia có khả năng sáng tạo và quản lý các dự án chuyển đổi số.

Thứ sáu, cần có quy định áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về bảo mật, an ninh thông tin và quản trị dữ liệu, nâng cao niềm tin của người tiêu dùng và đối tác quốc tế, đồng thời giúp Việt Nam hội nhập sâu vào hệ thống kinh tế toàn cầu.

Thứ bảy, xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả chính sách là điều cần thiết để điều chỉnh kịp thời và cập nhật các quy định pháp lý, đảm bảo rằng khung pháp lý luôn phù hợp với tốc độ thay đổi của công nghệ và thị trường.

Ngoài ra, tạo ra môi trường khuyến khích đầu tư và đổi mới sáng tạo thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, hỗ trợ tài chính

và thành lập các doanh nghiệp tư vấn mạo hiểm sẽ kích thích sự ra đời của các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế số, qua đó tạo động lực phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế. Các giải pháp này cần phải được triển khai đồng bộ và hiệu quả, sẽ tạo ra một hệ thống cơ chế kinh tế số tiên tiến, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số, giúp Việt Nam nắm bắt xu thế toàn cầu và định vị chắc chắn trên bản đồ kinh tế số quốc tế.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế toàn cầu, hoàn thiện thể chế kinh tế số không chỉ là yếu tố tiên quyết để Việt Nam đón nhận các cơ hội mà còn là chìa khóa quyết định cho sự phát triển bền vững của quốc gia. Các văn bản pháp lý hiện hành, mặc dù đã tạo nền tảng nhất định, tuy nhiên vẫn tồn tại những hạn chế về tính đồng bộ, linh hoạt và khả năng ứng biến trước những thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Qua đó, việc xây dựng một khung pháp lý đồng bộ, tiên tiến và được cập nhật liên tục, kết hợp với thành lập các cơ quan quản lý chuyên trách và cơ chế giám sát hiệu quả, sẽ tạo ra môi trường pháp lý minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khuyến khích đầu tư. Bên cạnh đó, đầu tư nâng cấp hạ tầng số và phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu sẽ đảm bảo Việt Nam có đủ năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế. Từ những giải pháp chiến lược này, Việt Nam không chỉ tận dụng tối đa lợi ích của nền kinh tế số mà còn hiện

thực hóa khát vọng vươn mình, chuyển mình mạnh mẽ từ một quốc gia đang phát triển thành một nền kinh tế số tiên phong và bền vững, khẳng định vị thế vững chắc trên bản đồ kinh tế toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

[1]. Bain & Company, Google và Temasek. (2022). *Báo cáo kinh tế số khu vực Đông Nam Á*. https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r//chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM254235

[2]. Bộ Công Thương. (2023). *Báo cáo thương mại điện tử và kinh tế số tại Việt Nam*.

[3]. Bộ Thông Tin và Truyền Thông. (2023). *Báo cáo phát triển kinh tế số*.

[4]. Diễn đàn Kinh tế Thế giới. (2022). *Báo cáo Năng lực cạnh tranh Toàn cầu 2022: Nền kinh tế số*. Diễn đàn kinh tế thế giới. <https://www.weforum.org/reports/global-competitiveness-report-2022>

[5]. Quyết định số 749/QĐ-TTg. (2020). *Trình duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*. Chính phủ Việt Nam.

[6]. Nghị quyết số 52-NQ/TW. (2019). *Định hướng chủ động tham gia Cách*

mạng Công nghiệp 4.0. Chính phủ Việt Nam.

[7]. Mạng lưới An Ninh. (2018). *Mạng lưới An Ninh*. Chính phủ Việt Nam.

[8]. Nghị định 52/2013/ND-CP. (2013). *Quy định về điện tử thương mại*. Chính phủ Việt Nam.

[9]. McKinsey & Company. (2021). *Doanh nghiệp dựa trên dữ liệu: Mở khóa giá trị từ chuyển đổi kỹ thuật số*. McKinsey & Company. <https://www.mckinsey.com/>

[10]. Ngân hàng Thế giới. (2021). *Báo cáo Phát triển Thế giới 2021: Dữ liệu, Số hóa và Phát triển*. Ngân hàng Thế giới. <https://www.worldbank.org/>

[11]. OECD. (2023). *Triển vọng kinh tế số 2023*. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế. <https://www.oecd.org/digital/digital-economy-outlook/>

[12]. Tapscott, D., & Tapscott, A. (2016). *Cuộc cách mạng chuỗi khối: Công nghệ đằng sau bitcoin đang thay đổi tiền tệ, kinh doanh và thế giới như thế nào*.

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Đậu Ngọc Linh

Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Email: d.ninh@hcmca.edu.vn

Điện thoại: 0947934734



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 2 (90)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.